

GIỚI THIỆU SÁCH

DỊCH HỌC VĂN HÓA DỰ BÁO CỔ TRUYỀN

Tác giả: Nguyễn Duy Hinh
Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội 2008, 756tr.

Dịch học văn hoá dự báo cổ truyền gồm 3 phần chính đề cập tới *Dịch Kinh*, *Dịch Truyện* và 64 quẻ *dịch* và *Dịch truyện Việt Nam*.

1. Trong phần I có 4 nội dung cơ bản là lịch sử *Dịch*, *Dịch* trong *Tả Truyện*, thuyết *Phệ số* và 64 quẻ *Bạch Thư Dịch*. Thứ nhất, về lịch sử *Dịch*, tác giả cho thấy hai thuyết về sự ra đời của *Chu Dịch* là thuyết Tam Thánh và thuyết Tứ Thánh thời Phục Hi. Tuy nhiên, trong thời hiện đại với những bằng chứng về khảo cổ học các nhà nghiên cứu Trung Quốc thừa nhận quẻ *Dịch* ra đời khoảng thế kỉ XI TCN, và *Dịch Truyện* được viết khoảng thế kỉ V TCN nghĩa là sau khi quẻ *Dịch* ra đời khoảng 600 năm. *Chu Dịch* gồm 2 bộ phận. Bộ phận thứ nhất là *Dịch Kinh* gồm 64 quẻ, mỗi quẻ có một quái từ và 6 hào từ trừ quẻ *Càn* và *Khôn* có thêm một lời *Dụng Cửu*, *Dụng Lục*. Bộ phận thứ hai là *Dịch Truyện* tức là những lời giải thích *Dịch Kinh* gồm *Thập Dực*. *Thập Dực* nghĩa là 10 cái cánh mà *Dịch Kinh* được coi là con chim. *Dịch Truyện* chính là lời giải 64 quẻ theo lí luận âm dương và Nho giáo. Thứ hai, về *Dịch* trong *Tả Truyện*: Tư liệu *Dịch* thành văn đầu tiên thấy trong *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ* của Tả Khư Minh, một sử quan người đồng thời với Khổng Tử sống vào thế kỉ V TCN cách ngày nay hơn 2500 năm. Trong *Tả Truyện* ghi lại việc bói 31 quẻ: *Quan*, *Bĩ*, *Khôn*, *Tốn*, *Càn*... chứ không đủ 64 quẻ. Cách bói trong *Tả Truyện* là dùng hình thức biến quái, tức dùng một quẻ bói được lần đầu xác định

bản quái sau đó theo hào động mà biến thành chi quái. Thứ ba, thuyết *Phệ số*. Năm 1980 Trương Chính Lăng, một nhà nghiên cứu Trung Quốc đưa ra một thuyết mới: thuyết *Phệ số*. *Phệ số* là một phát hiện mới cực kì quan trọng chứng minh trước khi có các quẻ *Dịch* vẽ bằng hai kí hiệu — và — — đã có quẻ *Dịch* viết bằng các con số (số quái) và vì vậy — và — — ban đầu không phải là dương, âm mà chỉ là kí hiệu số lẻ số chẵn. Thứ tư, về 64 quẻ *Bạch Thư Dịch*. Đây là văn bản *Dịch* được Khảo cổ học phát hiện năm 1973 khi khai quật mộ Hán số 3 (có niên đại năm 168 TCN) ở Mã Vương Đồi thuộc tỉnh Hồ Nam, trong đó có một tấm lụa chép 64 quẻ và “*Nhị tam cửu vấn*” (tương đương *Dịch Truyện*). Trong phần này tác giả đưa ra sự giống nhau giữa hai văn bản *Chu Dịch* và *Bạch Thư Dịch*, nhưng có một số những khác biệt khá quan trọng như khác biệt về tên quẻ như quẻ *Càn* = *Kiền*, *Khôn* = *Xuyên*...; khác biệt về quái từ, hào từ một số quẻ như trong quẻ *Mông*, *Cổ*, *Thái*, *Lâm*...; khác biệt về tự quái: thứ tự 64 quẻ *Bạch Thư Dịch* khác hoàn toàn thứ tự 64 quẻ *Chu Dịch* hiện hành. Tự quái *Bạch Thư Dịch* xếp theo quá trình hình thành các trùng quái từ trước đến sau khi lần lượt chồng các đơn quái lên nhau, không mang nội dung triết học thiên đạo nhân đạo của *Dịch Truyện*. Điều này minh chứng có nhiều tự quái khác nhau chứ không phải chỉ có tự quái *Chu Dịch* hiện hành sắp xếp theo tư tưởng chỉ đạo của *Dịch Truyện*; Sự khác biệt lớn nữa là sự xuất hiện của đoạn văn viết mở đầu bằng “*Nhị tam cửu vấn*” (Vài ba học trò hỏi) trong phần tiếp theo 64 quẻ của *Bạch Thư Dịch*. Đây là phần *Khổng Tử* trả lời mấy người học trò hỏi về *Dịch*, chứng minh *Khổng Tử* có bàn về *Dịch* trong *Dịch Truyện*.

2. Phần thứ hai gồm hai tiết với nội dung *Dịch Truyện* của *Chu Dịch* và *Dịch Truyện* của *Bạch Thư Dịch*.

Khoảng 600 năm sau *Dịch Kinh* gồm quái từ, hào từ của 64 quẻ đã lưu hành

trong giới bói toán. Triều đình nhà Chu có chức quan coi việc bói toán đó. Trong dân gian thầy bói cũng rất đông. *Dịch Kinh* được giải thích hàng ngàn cách. Đến thời Khổng Tử-Lão Tử thì định hình một văn bản giải thích gồm 10 phần gọi là *Thập Dực* (10 cánh chim) tức *Dịch Truyện*. *Truyện* nghĩa là truyền dạy, giảng giải. *Dịch Truyện* là giảng giải *Dịch Kinh*. Nhưng cách giải thích này không phải giải thích nội dung Cát Hung của từng quẻ mà giải thích về nghĩa lí của quẻ chủ yếu là dùng hai loại tư tưởng để giải thích ý nghĩa của 64 quẻ. Tư tưởng thứ nhất - tư tưởng chủ đạo - là tư tưởng đạo đức. Đạo đức của người quân tử, chủ yếu là Nhân Nghĩa. Tư tưởng thứ hai mang tính chất triết học - quy luật tự nhiên: âm/dương. Tư tưởng thứ nhất thuộc dòng Nho gia. Tư tưởng thứ hai thuộc dòng Đạo gia. Trong *Dịch Truyện* hỗn dung tư tưởng Nho gia và Đạo gia. Đó là nội dung *Dịch Truyện* của *Chu Dịch*.

Về *Dịch Truyện* của *Bách Thư Dịch*. Vốn trong văn bản *Bách Thư Dịch* không có chữ *Dịch Truyện*, từ này do các nhà nghiên cứu so sánh với *Dịch Truyện* Chu Dịch mà đặt ra. Văn bản *Bách Thư Dịch* gồm hai phần lớn. Phần I là văn bản 64 quẻ Dịch. Phần II nối tiếp theo phần I, mở đầu bằng 5 chữ *Nhị Tam Tử Ván Viết* cho đến hết. Các nhà nghiên cứu dùng những chữ đầu nào đó để đặt tên thiên: thiên *Nhị Tam Tử Ván Viết*, thiên *Hệ (từ)*, thiên *Dịch chi nghĩa (Dịch Tán, Trung)*, thiên *Yếu*, thiên *Chiêu Hòa*, thiên *Chiêu Lực*. Tác giả Nguyễn Duy Hinh cho rằng: do rách nát nên lộn xộn, xét về nội dung thì thiên *Hệ Từ*, *Dịch chi nghĩa*, *Yếu* tương đương với *Hệ Từ Truyện* thượng, hạ của *Chu Dịch* và 2 văn bản cơ bản không khác nhau mấy. Khác biệt lớn nhất là *Hệ Từ Bách Thư Dịch* không có phần nói về cách bói tức về Đại Diễn chi số ngũ thập, nhưng có người hoài nghi là chép sót hay rách mất,

không biết mai sau người ta có còn phát hiện ra những câu chữ mới đọc được hay không. Các thiên *Nhị Tam Tử Ván Viết* và *Mậu Hòa Chiêu Lực* là cùng một dòng văn vắn đáp của một số học trò với Khổng Tử. Nhiều điều trong vắn đáp này chưa từng phát hiện trong *Chu Dịch*. Có 8 học trò hỏi Khổng Tử thì 7 người chưa từng thấy trong sử sách là Lã Xương, Trang Đãn, Ngô Mạnh, Trương Xạ, Lí Bình, Mậu Hòa, Chiêu Lực. Một người đã từng gặp nhiều lần trong sử sách là Tử Cán (Tử Cống). Chính cuộc đối thoại Tử Cống - Khổng Tử có nhiều ý nghĩa nhất để hiểu một câu trong *Luận Ngữ. Luận Ngữ. Thuật nhi* viết: Tử viết gia ngã số niên, ngũ thập dĩ học Dịch khả dĩ vô đại quá hi” (Khổng Tử nói: Cho thêm ta mấy năm nữa, năm mươi năm để học Dịch thì có thể tránh không phạm sai lầm lớn vậy). Dù giải thích “ngũ thập” là 5,10 hay 50 đi nữa thì đó vẫn là chỉ cuối đời Khổng Tử. Sau khi chu du thiên hạ mà không đắc dụng, khoảng năm 484 TCN Khổng Tử trở về nước Lỗ sống 5- 6 năm nữa rồi mất năm 479 TCN. Thời gian này Khổng Tử đọc Dịch đến những 3 lần đứt dây xâu các thanh tre chép Dịch. *Bách Thư Dịch* lần đầu tiên giải thích mục đích và phương pháp đọc Dịch của Khổng Tử. Tử Cống phê phán Khổng Tử thích Dịch là sai lầm, không theo đúng tinh thần đức trị tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ mà Khổng Tử đã từng dạy cho học trò. Khổng Tử đã giải thích mục đích nghiên cứu Dịch của ngài khác với các thầy bói. Thầy bói dùng Dịch để định cát hung. Khổng Tử dùng Dịch để lí giải Đức Nghĩa. Cùng đường mà mục đích khác nhau. Tuy nhiên Khổng Tử cũng thừa nhận đã bói 100 lần đúng 70 lần. Khổng Tử không phủ nhận hoàn toàn bói toán. Nhưng Khổng Tử vẫn khẳng định người quân tử chỉ cần hành động đúng Nhân Nghĩa không cần lo cát hung họa phúc tức hành động đúng Nhân Nghĩa thì Cát,

Phúc tự đến, hành động trái Nhân Nghĩa thì Hung, Họa tự đến. Đa số các nhà nghiên cứu Trung Quốc coi *Bạch Thư Dịch* = *Bạch Thư Chu Dịch* là đúng, về nội dung của hai văn bản cơ bản giống nhau. Nguyễn Duy Hình dùng thuật ngữ *Bạch Thư Dịch* để phân biệt với *Chu Dịch* bản thông hành là nhấn mạnh tính dị bản của 2 văn bản.

3. ảnh hưởng *Kinh Dịch* đối với nước ta. Phần này tác giả trình bày 64 quẻ Dịch được Việt hóa mà tiêu biểu là *Chu Dịch Linh Tiêm*. *Chu Dịch Linh Tiêm* được xem là giảng bút của Trần Hưng Đạo qua Phạm Ngũ Lão vào năm 1899. Văn bản lưu tại linh từ ở Nam Lộc thuộc khu vực đền Trần ngày nay (Nam Định), nhưng cũng lưu truyền đến Hà Nội.

Chu Dịch Linh Tiêm gồm 64 quẻ mà tên quẻ đều trùng khớp với 64 quẻ *Chu Dịch* hiện hành như Bát Thuần Càn, Bát Thuần Khôn..... Thủy Hỏa Kí Tế, Hỏa Thủy Vị Tế, đúng như tự quái Chu Dịch. Nhưng quái từ là 4 câu thơ, không có hào từ, có một lời giải quẻ nói lên Cát Hung.

Ngoài *Chu Dịch Linh Tiêm* ra còn Linh Tiêm các chùa Lưu Ly (Thái Bình), Tiên Xá Linh Điện (Hưng Yên) cùng một thể loại nhưng đã biến đổi, còn có nhiều bộ thăm các đền chùa khác thì đã biến dạng nhiều hơn nữa. Hiện nay còn nhiều bộ thăm cổ bằng chữ Hán rải rác ở các địa phương.

64 quẻ Chu Dịch đã Việt hóa theo tư tưởng cơ bản dự báo Cát Hung, tức theo tinh thần *Kinh Dịch*, đều thuộc dòng dự báo học cổ truyền. Đó là sự thâm nhập 64 quẻ dự báo vào trong nhân dân mang tính chất văn hóa dân gian bảo tồn được cốt tủy *Kinh Dịch* và phát huy được tính dự báo. Tuy nhiên dự báo học cổ truyền có đúng có sai. Khổng Tử đã thừa nhận bói 100 lần đúng 70 lần. Hiện nay các thầy bói lợi dụng bói để kiếm ăn cho nên

dự báo học cổ truyền trở thành 100% mê tín, lừa bịp.

Tiếp theo tác giả trình bày về Dịch học của Phan Bội Châu. *Chu Dịch* đã được các nhà Nho nước ta ít ra từ thời Trần học tập, vận dụng. Đến thời Lê về sau thì xuất hiện nhiều nhà Nho viết về Dịch, nổi tiếng nhất là Lê Quý Đôn và gần đây nhất là Phan Bội Châu. Họ chủ yếu nghiên cứu *Dịch Truyện*, nghĩa là chủ yếu theo Dịch lí tuy có nói đến Cát Hung mà không chú trọng Cát Hung, trái lại chú trọng về nhân đạo, nên luận bàn về đạo đức của người quân tử là chính, khiến cho Dịch trở thành đạo người quân tử.

Phan Bội Châu thì lại quan tâm 64 quẻ *Kinh Dịch* hơn *Dịch Truyện*, hay nói cho chính xác là đem Dịch lí của *Dịch Truyện* vận dụng vào 64 quẻ, mà không tập trung diễn giải *Dịch Truyện* như những người khác. Tư tưởng Dịch lí chủ đạo của Phan Bội Châu là tư tưởng *Dịch Truyện*. Nhưng *Dịch Truyện* chủ yếu nói về ứng xử của người quân tử sao cho thuận thiên đạo địa đạo thời phong kiến ở Trung Hoa. Còn Phan Bội Châu thì vận dụng 64 quẻ vào lịch sử chính trị cổ kim đông tây để rút ra những bài học cách mạng cho xã hội hiện đại. Phan Bội Châu luận bàn về thời cơ cách mạng, về quan hệ lãnh tụ với nhân dân chứ không dừng lại ở quan hệ quân tử/tiểu nhân như *Dịch Truyện* của *Chu Dịch*. Phan Bội Châu đọc, học Dịch (chủ yếu 64 quẻ) với tư cách một chí sĩ Nho mà không hủ.

Nhìn chung, khi *Kinh Dịch* truyền vào nước ta thì phát triển thành hai hướng. Dân gian thì giữ lấy và phát huy tinh thần dự báo cổ truyền. Phan Bội Châu thì phát huy tư tưởng Dịch thành tư tưởng cách mạng. *Chu Dịch* đã Việt hóa.

Lê Đức Hạnh
Viện Nghiên cứu Tôn giáo